

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	11 - 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	12 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300463792 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu số 4103003977 ngày 27 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 09 năm 2010. Đây là doanh nghiệp nhà nước được chuyển sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Giao thông Vận tải.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Vận tải đa phương thức quốc tế. Vận tải hàng hóa thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hóa bằng container, hàng hóa quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường thủy. Vận tải đường bộ, đường ống. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; hoạt động kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển. Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải. Đưa người lao động và các chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; đào tạo, dạy nghề hướng nghiệp phục vụ xuất khẩu lao động. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải. Kinh doanh du lịchữ hành nội địa và quốc tế. Sản xuất, sửa chữa, gia công cơ khí, sản phẩm công nghiệp khác (không hoạt động tại trụ sở).

Vốn điều lệ: 27.682.210.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn – Cảng Tân Thuận Đông tại Cảng Tân Thuận Đông, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113020273 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn – Xí Nghiệp Vận Tải và Giao Nhận tại 19 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 4113020274 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 05 năm 2006.
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn tại Hà Nội số 80A Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113019455 ngày 12 tháng 09 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông LÊ CHÍ VŨ	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2011)
Ông NGÔ NGỌC TÔN	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2011)
Ông HỒ SỸ DŨNG	Thành viên
Ông NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	Thành viên
Ông TRẦN ĐẮC LONG	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông HỒ SỸ DŨNG	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2011)
Ông NGÔ NGỌC TÔN	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2011)
Ông NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	Phó Tổng Giám đốc

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 10 tháng 03 năm 2011

TM BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



HỒ SỸ DŨNG



Số 213 BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Về Báo cáo tài chính năm 2010
của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC; CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn được lập ngày 10 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2011

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)****Tổng Giám Đốc****LÊ VĂN TUẤN**
Chứng chỉ KTV số 0479/KTV**Kiểm Toán Viên****NGUYỄN VŨ**
Chứng chỉ KTV số 0699/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.421.459.666	36.586.783.762
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.198.603.626	11.300.024.588
1. Tiền	111	V.01	4.198.603.626	7.800.024.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.475.795.695	20.177.555.256
1. Phải thu của khách hàng	131		46.109.468.721	18.659.940.849
2. Trả trước cho người bán	132		6.517.370.100	935.474.496
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.348.956.874	582.139.911
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(500.000.000)	
IV. Hàng tồn kho	140		4.938.951.594	2.864.966.231
1. Hàng tồn kho	141	V.03	4.938.951.594	2.864.966.231
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.808.108.751	2.244.237.687
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		484.255.423	168.177.547
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		437.726	24.600.099
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		V.04	44.573.195	43.573.195
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	3.278.842.407	2.007.886.846
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.418.116.104	26.805.517.631
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.452.848.471	21.789.609.297
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	17.452.848.471	21.635.253.394
- Nguyên giá	222		63.833.621.273	62.675.047.501
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(46.380.772.802)	(41.039.794.107)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	154.355.903
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.472.000.000	1.472.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.07	1.472.000.000	1.472.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.493.267.633	3.543.908.334
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.025.267.633	1.830.908.334
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	245.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.08	1.468.000.000	1.468.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		87.839.575.770	63.392.301.393



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.352.572.131	21.762.793.384
I. Nợ ngắn hạn	310		37.485.046.362	16.713.721.846
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	1.400.000.000	2.800.000.000
2. Phải trả người bán	312		12.346.880.071	4.981.172.624
3. Người mua trả tiền trước	313		651.372.152	264.402.735
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.493.782.599	772.888.236
5. Phải trả người lao động	315		3.155.957.913	3.749.645.545
6. Chi phí phải trả	316	V.11	15.707.161.624	1.190.700.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	347.637.041	1.543.011.837
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.382.254.962	1.411.900.869
II. Nợ dài hạn	330		3.867.525.769	5.049.071.538
3. Phải trả dài hạn khác	333		60.000.000	60.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	3.786.400.000	4.988.200.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		21.125.769	871.538
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.487.003.639	41.629.508.009
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	46.487.003.639	41.629.508.009
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.682.210.000	20.822.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.739.082.602	5.166.010.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(515.226.000)	(515.226.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		320.394.033	2.978.677.011
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.172.981.307	6.283.856.854
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.087.561.697	6.894.190.144
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		87.839.575.770	63.392.301.393

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

020888
 CÔNG T
 CH NHIỆM H
 CH VỤ T
 CHÍNH KẾ
 À KIỂM T
 PHÍA NA
 TP. HỒ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		822,71	1.090,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu


Hoàng Thị Chu Hạnh

Kế toán trưởng


Trần Đức Long

Ngày 10 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám Đốc




Hồ Sỹ Dũng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	88.094.849.642	65.699.216.154
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.094.849.642	65.699.216.154
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	68.847.998.880	48.379.764.159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.246.850.762	17.319.451.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	965.727.698	868.329.341
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	371.372.191	1.360.389.850
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		172.193.000	1.104.395.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.401.663.633	7.265.050.486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.439.542.636	9.562.341.000
11. Thu nhập khác	31		233.512.268	220.459.454
12. Chi phí khác	32		2.768.820	34.346.681
13. Lợi nhuận khác	40		230.743.448	186.112.773
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.670.286.084	9.748.453.773
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19	2.643.906.001	857.209.243
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.026.380.083	8.891.244.530
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	3.413	4.320

Người lập biểu

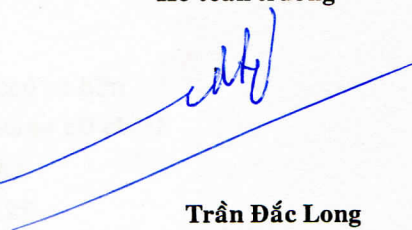
Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 03 năm 2011

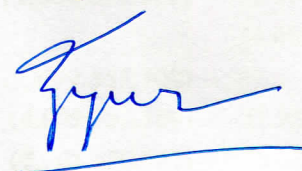
Tổng Giám Đốc



Hoàng Chi Chu Hạnh



Trần Đắc Long



Hồ Sỹ Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		67.713.327.899	71.174.844.234
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(28.189.592.278)	(26.217.467.635)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.820.066.056)	(13.383.270.130)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(169.391.000)	(321.333.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.542.381.517)	(1.083.865.773)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.058.033.709	38.691.233.618
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.490.699.820)	(63.268.423.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.440.769.063)	5.591.718.216
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(31.818.182)	(1.579.761.235)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.400.000.000)	(9.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	21.500.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		870.719.983	729.839.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(561.098.199)	10.850.078.624
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(514.626.000)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.400.000.000)	(2.800.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(4.669.304.600)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.699.553.700)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.099.553.700)	(7.983.930.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.101.420.962)	8.457.866.240
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.300.024.588	2.842.158.348
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.21	4.198.603.626	11.300.024.588

Ngày 10 tháng 03 năm 2011

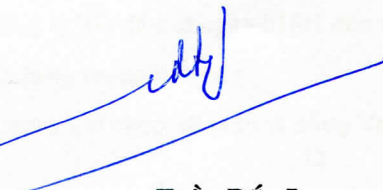
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Hoàng Thị Chu Hạnh



Trần Đắc Long



Hồ Sỹ Dũng